

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS - ST
Ngày 17/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền

2. Bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/TLST - HS ngày 05/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST- HS ngày 16/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/HSST - QĐ ngày 29/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/HSST - QĐ ngày 26/12/2018 đối với bị cáo:

Lường Văn Đ (tên gọi khác là Lường Xuân H), sinh năm 1966; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn T và bà Mã Thị S (đều đã chết); vợ; con: chưa có (chung sống như vợ chồng với chị Đàm Thị T); tiền sự: Không; Tiền án: 02 (Tại Bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 20/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc bị cáo Lường Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù); Nhân thân: Năm 2001 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắc Lắc xử phạt 21 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích); Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt bị cáo 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” Ngày 17/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài

sản” (đã được xóa án tích); bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa;

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người bị hại:* Ông Triệu Tài K, sinh năm 1988; trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 01/7/2018, Lương Văn Đ cùng Hà Sỹ T trú tại: thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bắt xe khách từ Thị trấn B, huyện C đến thôn K, xã Q, huyện C thì cả hai xuống xe để đi bộ đến nhà người quen của T để xin ngủ nhờ, nhưng khi vào nhà người quen thấy không có ai ở nhà nên Đ và T quay lại, khi đi qua dưới nhà ông Triệu Tài K tại thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn T nhìn thấy một chiếc xe mô tô dựng ở hiên nhà ông K thì T nói với Đ là “xe máy kia”, sau đó T và Đ đi bộ ra nằm ngủ tại bờ suối gần Ủy ban nhân dân xã Q, đến khoảng 07 giờ ngày 02/7/2018 cả hai đi ăn sáng tại chợ B, xã Q, sau đó lại quay về bờ suối ngủ. Đến khoảng 24 giờ ngày 02/7/2018, T rủ Đ quay lại nhà ông K để trộm xe mô tô thì Đ đồng ý. Cả hai đi đến nhà ông K thì thấy xe mô tô biển kiểm soát 19H4 - 4773 dựng ở hiên nhà. T đi đến gần dắt xe mô tô từ hiên nhà ra, Đ giúp T đẩy xe lên đường Quốc lộ 3C, tại đây Đ dùng đèn pin mang theo soi cho T rút mát xe và nổ máy, sau đó T điều khiển xe chở Đ đi sang thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để tìm chỗ bán xe máy. Đến ngày 04/7/2018 Công an huyện B phát hiện và tạm giữ xe mô tô mà Đ và T trộm cắp được. Ông Triệu Tài K, sau khi phát hiện bị mất xe mô tô Biển kiểm soát 19H4 - 4773 ngày 02/7/2018 đã trình báo cơ quan Công an để xem xét giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐ - ĐGTS ngày 06/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn kết luận giá trị xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 19H4 - 4773, xe đã qua sử dụng có giá trị 2.770.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 xe mô tô BKS 19H4-4773 và 01 đèn pin có dây đeo màu đen, viền mặt kính màu vàng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xem xét và trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là ông Triệu Tài K. Số vật chứng còn lại được nhập kho bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Triệu Tài K không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đối với Hà Sỹ T, quá trình điều tra T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã triệu tập Hà Sỹ T nhiều lần để đối chất với Lương Văn Đ để làm rõ hành vi của T nhưng Thịnh không có mặt tại địa phương. Do chưa có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục tiến hành điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 21/CT - VKSCĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố bị cáo Lương Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố rút một phần quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn Đ với mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về bồi thường thiệt hại: Không xem xét giải quyết vì người bị hại không có yêu cầu. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 37/2018/HS - ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, buộc bị cáo Lương Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 30 đến 36 tháng tù.

Tại phiên tòa người bào chữa nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát về việc rút một phần quyết định truy tố và việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh thực tế bị cáo là đặc biệt khó khăn, sống tại vùng cao, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế để từ đó đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là từ 15 đến 20 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại bản cáo trạng số 21/CT - VKSCĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố rút một phần quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo đã có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể và Bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm. Cả hai bản án nêu trên đều xác định bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” do Bản án số 06/2010/HSST ngày 30/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” (số tiền

đánh bạc là 2.400.000 đồng). Tuy nhiên, do có sự thay đổi về chính sách pháp luật, nay tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 quy định giá trị tài sản dùng để đánh bạc là từ 5.000.000 đồng trở lên nên hành vi “Đánh bạc” năm 2010 với số tiền đánh bạc là 2.400.000 đồng của bị cáo Đ không còn là tội phạm. Như vậy, lần phạm tội này của bị cáo Lương Văn Đ không sử dụng tình tiết tái phạm của Bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể và Bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để xác định tái phạm nguy hiểm, đây là trường hợp áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H) khai nhận: Khoảng 00 giờ ngày 02/7/2018, tại nhà anh Triệu Tài K thuộc thôn Khuổi Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị cáo lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 19H4 - 4773 của anh Triệu Tài K. Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, biển kiểm soát 19H4 - 4773 tại thời điểm bị cáo lấy trộm có giá trị là 2.770.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện : Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo đã từng nhiều lần bị kết án song lại không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã có hai tiền án: Tại Bản án số 20/2012/HSST ngày 28/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án số 09/2013/HSST ngày 29/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 54 tháng tù. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện việc bị cáo đã nhiều lần bị kết án, có 02 tiền án và hiện nay đang bị khởi tố trong vụ án khác.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Tại Bản án số 37/2018/HSST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài

sản. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án.

[7] Về quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng mức hình phạt 15 đến 20 tháng tù đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, tuy nhiên bị cáo nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng lại không ăn năn hối cải. Do vậy, để đảm bảo cho việc răn đe giáo dục bị cáo cần thiết phải áp dụng mức phạt nghiêm đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, gia đình thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển kiểm soát 19H4 – 4773 quá trình điều tra đã xác minh làm rõ xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Triệu Tài K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh K là đúng quy định. Đối với 01 đèn pin có dây đeo màu đen, viền mặt kính màu vàng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội xác định là công cụ liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Trong vụ án này còn có Hà Sỹ T, theo lời khai của bị cáo Đ thì T là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của ông Triệu Tài K. Tuy nhiên, T đã đi khỏi địa phương, quá trình điều tra không xác định được T đi đâu, làm gì nên chưa thể làm rõ vai trò của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn sẽ tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau

[12] Về án phí: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án để miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H) phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H) 24 tháng tù

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 12 (*Mười hai*) tháng tù của bản án số 37/2018/HSST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, buộc bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H) phải chấp hành

hình phạt chung của hai bản án là 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin có dây đeo màu đen, viền mặt kính màu vàng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn Đ (tên gọi khác Lương Xuân H)

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND Chợ Đồn;
- Công an Chợ Đồn;
- THADS Chợ Đồn;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Văn Mẫn

